

Số: 480/QĐ-HVDT

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điểm chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển vào học hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc đợt 1 năm học 2020 - 2021

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN DÂN TỘC

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức bồi dưỡng, xét chọn và phân bổ vào học trình độ đại học; cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm đối với học sinh hệ dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Dân tộc;

Căn cứ Công văn số 3123/BGDĐT-GDĐT ngày 23/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo chỉ tiêu dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm 2020;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐTS ngày 22/9/2020 của Hội đồng tuyển sinh hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm 2020.

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển vào học hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm học 2020 - 2021 (đợt 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đợt 1 vào học hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm học 2020 - 2021 như sau:

Điểm chuẩn trúng tuyển xét theo học bạ THPT của các tổ hợp: 6,0

Điểm chuẩn trúng tuyển xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020: 12,0

(chi tiết theo phụ lục 1)

Điều 2. Công nhận 28 thí sinh trúng tuyển đợt 1 vào học hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm học 2020 - 2021 (danh sách theo phụ lục 2).

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh hệ dự bị đại học có trách nhiệm thông báo cho học sinh trúng tuyển và làm thủ tục nhập học theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Học viện Dân tộc, Trưởng Khoa Dự bị đại học, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh, sinh viên, Hội đồng tuyển sinh hệ dự bị đại học, các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như điều 5;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Sơn Hải (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử UBĐT;
- Ban Giám đốc HVDT;
- Cổng thông tin điện tử HVDT;
- Lưu: VT, DBĐH.

Q. GIÁM ĐỐC




Trần Trung



PHỤ LỤC 1

Điểm chuẩn vào học hệ dự bị đại học đợt 1 năm học 2020 - 2021 theo các tổ hợp
xét tuyển của Học viện Dân tộc

(Kèm theo Quyết định số 480/QĐ-HVDT ngày 02 tháng 10 năm 2020)

STT	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp	Điểm chuẩn trúng tuyển xét theo học bạ THPT (Điểm TB chung 03 môn học theo tổ hợp)	Điểm chuẩn trúng tuyển xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (Tổng điểm thi 03 môn học theo tổ hợp)
1	Toán, Địa lý, Lịch sử	A07	6,0	12,0
2	Toán, Lịch sử, GDCD	A08	6,0	12,0
3	Toán, Địa lý, GDCD	A09	6,0	12,0
4	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	C00	6,0	12,0
5	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	C03	6,0	12,0
6	Ngữ văn, Toán, Địa lý	C04	6,0	12,0
7	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	C19	6,0	12,0
8	Ngữ văn, Địa lý, GDCD	C20	6,0	12,0
9	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01	6,0	12,0
10	Toán, KHXH, Tiếng Anh	D96	6,0	12,0

PHỤ LỤC 2

Danh sách thí sinh trúng tuyển vào học hệ dự bị đại học của Học viện Dân tộc năm học 2020-2021 (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 480/QĐ-HVDT ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện Dân tộc)



Thí sinh trúng tuyển theo hình thức tuyển thẳng								
I								
STT	Tên học sinh	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Tổ hợp	Ghi chú	
1	Y Pép	12/10/2002	Nữ	Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Rơ Măm	C00	Đã tốt nghiệp THPT năm 2020	
II	Thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét học bạ THPT							
STT	Tên học sinh	Ngày/tháng/ năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Tổ hợp	Điểm TB chung	Ghi chú
1	Rơ Châm Chung	19/10/2002	Nữ	Làng Kép 1, xã La Mơ Nông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Gia Rai	C00	6,27	
2	Lò Thị Thủy Dương	06/1/2002	Nữ	Đội 3, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Thái	A09	6,60	
3	Triệu Thị Phương Duy	05/7/2002	Nữ	Thôn Khe Bín, xã Tân Phương, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Dao	C20	7,00	
4	Sinh Thị Hạnh	10/7/2002	Nữ	Thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	Lô Lô	A07	7,80	
5	Thị Huyền	01/1/1999	Nữ	Bon Bu Bư, xã Quảng Tín, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	M'Nông	C00	6,67	
6	Huỳnh Trung Kiên	18/11/2002	Nam	Ấp Kinh Dũng B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau	Khmer	A08	7,70	

7	Mào Quốc Lập	26/7/2002	Nam	Bản Huổi Loong, xã Không Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thái	C00	7,47	
8	Hà Thị Lợi	21/11/2002	Nữ	Thôn Thanh Xuân, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Thái	C00	7,80	
9	H'Mùi	18/1/2002	Nữ	Thôn 3, xã Đăk plao, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông	Mạ	D01	6,27	
10	Hồ Thị Nhân	03/2/2002	Nữ	Thôn Xa Doan, xã A Doi, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Bru - Vân Kiều	C19	6,27	
11	Long Thị Nhiên	02/8/2002	Nữ	Bản Cuông 2, xã Xuân Hòa, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Tày	A09	8,23	
12	Chang Thị Phương	30/11/2002	Nữ	Bảo Láng Phiếu, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Cống	C20	7,53	
13	Phạm Y Chan Chu Ri	12/5/2002	Nam	Thôn Làng Teng, xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, Tỉnh Quảng Ngãi	H're	C00	6,17	
14	Đặng Thị Thu Thảo	09/7/2002	Nữ	Thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông	Tày	C20	7,93	
15	Lùng Thị Thảo	09/8/2002	Nữ	Khu 12, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Thái	C20	7,67	
16	H'Thủy	28/8/2002	Nữ	Thôn 3, xã Đăk plao, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông	Mạ	C00	7,13	
III	Thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét kết quả thi THPT năm 2020							
STT	Tên học sinh	Ngày/tháng/năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Tổ hợp	Tổng điểm	
1	Thị Anh	05/3/1999	Nữ	Bon Philote 1, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông	M'Nông	C00	17,75	

2	Bình	19/11/2002	Nam	Làng Đăk Hre, xã Đăk Trôi, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Ba Na	C20	24,5	
3	Cháng A Cho	30/3/2002	Nam	Bản Xa Vua B, xã Phính Giàng, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Mông	C00	23,5	
4	Xa Mạnh Khế	26/8/2002	Nam	Xóm Tương Đồi, xã Mường Chiêng, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	Mường	C20	21	
5	Điều Kiêm	27/10/2000	Nam	Bon Bu Bư, xã Quảng Tín, huyện Đăk RLấp, tỉnh Đăk Nông	M'Nông	A09	15,2	
6	Trương Phạm Lưu Ly	25/11/2002	Nữ	Làng Canh Thảnh, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	Thổ	D01	21,55	
7	Hoàng Thị Ngân	13/8/2002	Nữ	Thôn 4, xã Đại Lịch, huyện Vân Chấn, tỉnh Yên Bái	Tày	C20	21	
8	Vì Thị Pành	16/11/2002	Nữ	Bản Na Dĩa, xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Thái	C04	21,85	
9	Sùng Thanh Phi	15/1/2002	Nam	Bản Nà Nénh A, xã Pú Hông, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Mông	C00	20	
10	Pờ Hùng Sơn	06/10/2002	Nam	Bản Hười Hăn, xã Bùm Tở, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	La Hủ	C04	19,8	
11	Trần Thanh Thiện	14/5/2002	Nam	Thôn 4, xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	Cơ Ho	C00	20,01	

4